TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ- ST
Ngày 14- 09- 2022
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị L1, anh L2.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phan Văn Tiến;

2. Bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Tuấn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2022 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị L1, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn K1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2.*Bị đơn:* Anh L2, sinh năm 1989; Nơi đăng ký hộ khẩu khẩu thường trú, nơi cư trú: Thôn T3, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18- 07- 2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị L1 trình bày: Chị và anh L2 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06 tháng 01 năm 2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng. Ngày 12- 03- 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng cãi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn, nên từ ngày 17 tháng 02 năm 2022, chị đưa con mới sinh về nhà bố mẹ đẻ ở cùng xã sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, cũng không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Chị thấy vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị

có nguyện vọng xin ly hôn. Hiện nay, chị không mang thai. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là L3, sinh ngày 12- 03- 2022; hiện đang sống cùng chị. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Chị được bố mẹ chị hỗ trợ về kinh tế và chăm sóc con. Bố mẹ chị đồng ý cho mẹ con chị sinh sống cùng. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh L2 nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Do anh L2 vắng mặt; chị L1 đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được; phải đưa ra xét xử. Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh L2 mới đến Tòa án trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14- 09- 2022, bị đơn là anh L2 trình bày giống nguyên đơn về việc kết hôn, về con chung, về việc không có tài sản chung, không có nợ chung. Anh trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh nhưng hộ khẩu vẫn riêng. Sau khi chị L1 sinh con được 1 tháng thì chị L1 đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở cùng xã sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, cũng không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị L1 xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là L3, sinh ngày 12- 03- 2022; hiện đang sống cùng chị L1. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ chung vợ chồng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh L2 đồng ý giao con chung cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng; anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng.

Bà X1 trình bày: Con gái bà là chị L1 và anh L2 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T1. Khi chị L1 sinh con thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị L1 đưa con mới sinh về sinh sống tại gia đình bà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn về kinh tế giữa hai vợ chồng. Vợ chồng chị L1, anh L2 có một con chung là L3, sinh ngày 12- 03- 2022; hiện nay, mẹ con chị L1 đang sống cùng ông bà tại ngôi nhà của ông bà tại thôn K1, xã T1. Ông bà đồng ý cho mẹ con chị sinh sống tại đây, ông bà sẽ giúp đỡ chị L1 trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Bà V1 trình bày: Anh L2 là con trai bà; anh L2 và chị L1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T1; sau khi kết hôn thì anh chị sinh sống tại gia đình bà. Tháng 03 năm 2022, thì vợ chồng anh L2, chị L1 mâu thuẫn trầm trọng; nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế giữa hai vợ chồng; vì vậy, chị Loan đã về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Nay chị L1 xin ly hôn thì gia đình bà không đồng ý; trường hợp chị L1 kiên quyết xin ly hôn thì tùy chị. Vợ chồng chị L1, anh L2 có một con chung là L3, sinh ngày 12- 03- 2022; hiện đang sống cùng chị L1. Trường hợp ly hôn thì gia đình bà đồng ý để chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng L3; gia đình bà không cấp dưỡng vì chị L1 tự viết đơn ly hôn nên chị L1 tự chịu trách nhiệm. Vợ chồng anh L2, chị L1 không có tài sản chung, không có

nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L1 hiện là lái xe thuộc Công ty Du lịch tại thành phố H3, tỉnh Quảng Ninh. Bà đã nhận các văn bản của Tòa án gửi anh L2, đã giao lại cho anh.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T1: Anh L2, chị L1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1 ngày 06- 01- 2021. Đầu năm 2022, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do tính tình không hợp. Hiện nay, chị L1 và con chung của anh chị là L3, sinh ngày 12- 03- 2022 đang sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ chị L1. Đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân, con chung của anh chị theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình. Kiểm sát viên đề nghị: Xử cho chị L1 ly hôn anh L2. Về con chung: Vợ chồng chị L1- anh L2 có một con chung là L3, sinh ngày 12 tháng 03 năm 2022. Đề nghị: Giao con chung cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh L2 cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị L1 phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, đã được giao các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được, phải đưa ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị L1 và anh L2 là tự nguyện và hợp pháp. Khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên mặc dù mới sinh con nhưng chị L1 vẫn đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Cũng từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau; không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị L1- anh L2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị L1 ly hôn anh L2.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị L1- anh L2 có một con chung là L3, sinh ngày 12- 03- 2022. Đến ngày xét xử con chung của anh chị mới 06 tháng tuổi nên cần giao con chung cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, bị đơn là

anh L2 đồng ý giao con chung cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng; anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo mức 2.000.000đồng/tháng. Chị L1 đồng ý mức cấp dưỡng do anh L2 tự nguyện. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chấp nhận anh L2 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết, không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị L1 phải chịu 300.000,đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Người có nghĩa vụ cấp dưỡng là anh L2 phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L1 ly hôn anh L2.

2. Về con chung:- Vợ chồng chị L1- anh L2n có một con chung là L3, sinh ngày 12 tháng 03 năm 2022.

-Xử giao con chung L3, sinh ngày 12 tháng 03 năm 2022 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng.

-Chấp nhận anh L2 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/1tháng; thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: -Chị L1 phải nộp toàn bộ 300.000,đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000,đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004236 ngày 04 tháng 07 năm 2022 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị L1 đã nộp đủ án phí.

-Anh L2 phải nộp 300.000,đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

5.Về quyền yêu cầu, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án:

-Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
-VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng